

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

TẠ THỊ NGỌC LIÊN*

Những năm qua, giáo dục đại học ở Việt Nam đã có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, song thực tiễn cũng nảy sinh những hạn chế, bất cập. Bài viết nghiên cứu thực trạng việc thực hiện chính sách về phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam; chỉ ra những ưu điểm và hạn chế, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách của Nhà nước về phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Giáo dục đại học; chính sách phát triển; nền giáo dục Việt Nam.

Higher education in Vietnam has significantly progressed in both quantity and quality in recent years. However, practical limitations and shortcomings have also emerged. This article examines the current situation regarding implementing policies for higher education development in Vietnam, highlights the strengths and weaknesses, thereby proposing some solutions to enhance the effectiveness of state policies on higher education development in Vietnam today.

Keywords: Higher education; development policies; Vietnamese education system.

NGÀY NHẬN: 22/6/2024

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 10/8/2024

NGÀY DUYỆT: 18/9/2024

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.344.2024.948>

1. Đặt vấn đề

Giáo dục đại học có vai trò quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Các trường đại học vừa là nơi đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, vừa là nơi ươm mầm và phát triển tri thức, tiềm lực khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo của đất nước. Tại Việt Nam, Đảng và Nhà nước luôn coi trọng công tác giáo dục và ban hành nhiều chủ trương, chính sách về phát triển giáo dục nói chung và phát triển giáo dục đại học nói riêng.

Những năm qua, thực hiện chính sách phát triển giáo dục đại học, Việt Nam đã ghi

nhận những kết quả quan trọng, song vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Chính vì vậy, tiếp tục nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay là yêu cầu cấp thiết.

2. Thực trạng thực hiện chính sách phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam

a. Chính sách của Nhà nước về phát triển giáo dục đại học

Theo quy định tại Điều 4 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018, cơ sở giáo dục đại học: "... thuộc

* ThS, Học viện Quân y

hệ thống giáo dục quốc dân, thực hiện chức năng đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, hoạt động khoa học và công nghệ, phục vụ cộng đồng”.

Nhà nước đã có những quy định, chính sách về phát triển giáo dục đại học, như: đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao; phân bổ ngân sách và nguồn lực; ưu tiên đầu tư phát triển một số cơ sở giáo dục đại học, ngành đào tạo mang tầm khu vực, quốc tế và cơ sở đào tạo giáo viên chất lượng cao; xã hội hóa giáo dục đại học; bảo đảm quyền tự chủ; gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của thị trường, nghiên cứu triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ; thu hút, sử dụng và đãi ngộ thích hợp để nâng cao chất lượng giảng viên; ưu tiên đối với người được hưởng chính sách xã hội, đồng bào dân tộc thiểu số, người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; khuyến khích, đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế nhằm phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam ngang tầm khu vực và thế giới.

Như vậy, có nhiều chính sách được đưa ra để thúc đẩy phát triển giáo dục đại học nhằm mục đích nâng cao chất lượng giáo dục đại học phù hợp với thời kỳ hội nhập quốc tế và chuyển đổi số, đồng thời đáp ứng được nhu cầu thị trường việc làm trong nước. Đặc biệt, sự ra đời của *Luật Giáo dục đại học* và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của *Luật Giáo dục đại học* năm 2018 đã góp phần xây dựng và hoàn thiện hành lang pháp lý cho giáo dục đại học phát triển.

b. Những kết quả đạt được

Thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước, giáo dục đại học ở Việt Nam đã có bước phát triển về nhiều mặt. Cụ thể:

(1) *Về số lượng cơ sở giáo dục đại học.* Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo, giai đoạn 2013 - 2021, số lượng cơ sở giáo dục đại học tăng từ 207 trường lên 237 trường; quy mô đào tạo

các trình độ giáo dục đại học trong giai đoạn này tăng từ 1.547.478 người lên 2.021.901 người, tỷ lệ tăng 30,7%¹. Về cơ bản, mạng lưới các trường đại học được phân bố trên khắp cả nước và các vùng miền.

(2) *Về chất lượng.* Ngày 12/10/2022, Tổ chức xếp hạng Times Higher Education đã công bố kết quả xếp hạng đại học thế giới 2023 (THE WUR 2023), bảng xếp hạng này có phạm vi toàn cầu được đưa ra dựa trên các tiêu chí đo lường tiêu chuẩn. Việt Nam có 6 cơ sở giáo dục đại học góp mặt trong bảng xếp hạng này, bao gồm: “Đại học Duy Tân và Đại học Tôn Đức Thắng trong nhóm 401 - 500; Đại học Quốc gia Hà Nội trong nhóm 1001 - 1200; Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Huế và Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh trong nhóm 1501+”². Kết quả này đã phản ánh được chất lượng của giáo dục đại học ở Việt Nam trong thời gian qua, chứng tỏ giáo dục đại học ở Việt Nam đã có những cải thiện đáng kể, khẳng định được vị thế của giáo dục đại học ở Việt Nam trong hệ thống giáo dục đại học thế giới. Chương trình đào tạo của các trường không ngừng được đổi mới theo sự phát triển của xã hội. Cơ sở vật chất kỹ thuật của cơ sở giáo dục đại học được chú trọng đầu tư; trình độ năng lực của sinh viên được cải thiện. Nhiều nghiên cứu của sinh viên có được tiếng vang lớn không chỉ trong nước mà còn trong khu vực. Chất lượng đầu ra của sinh viên các trường ngày càng cao.

(3) *Về tiến trình tự chủ trong giáo dục đại học.* Việt Nam đã từng bước tăng cường quyền tự chủ trong các cơ sở giáo dục đại học. Hiện nay, có: “32,76% số trường đại học đã tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; 13,79% số trường tự bảo đảm chi thường xuyên; 7,33% số trường có kế hoạch sẽ tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; 9,05% số trường có kế hoạch sẽ tự bảo đảm chi thường xuyên; 33,62% số trường hiện đang

tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và chưa có kế hoạch khác; 3,45% số trường đang được ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và chưa có kế hoạch khác”³.

(4) *Về công tác quản trị, điều hành hệ thống giáo dục đại học.* Tính đến tháng 8/2022, “cả nước có 154/170 cơ sở giáo dục đại học công lập đã thành lập Hội đồng trường và đi vào hoạt động (đạt tỷ lệ 90,6%). Việc thành lập Hội đồng trường tại các trường trực thuộc bộ, ngành, địa phương đạt tỷ lệ 91,18%. Có 15 cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc bộ, ngành, địa phương đang xây dựng và trình cấp có thẩm quyền công nhận Hội đồng trường”⁴. Công tác quản trị, điều hành trong các cơ sở giáo dục đại học được chú trọng và ngày càng hiện đại, nhiều cơ sở giáo dục đại học đã ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành.

(5) *Về đội ngũ giảng viên.* Theo thông tin từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, “tổng số giảng viên làm việc toàn thời gian của cả nước là hơn 85.000 người. Trong đó, số giảng viên có chức danh Giáo sư chỉ là 757 người, chiếm tỷ lệ 0,89%. Số giảng viên có trình độ thạc sĩ chiếm tỷ lệ đông đảo nhất với 60,35%. Số giảng viên có chức danh Phó giáo sư cũng chỉ chiếm 6,21%. Số giảng viên có học vị tiến sĩ là 25,19% và có trình độ đại học là 7,36%”⁵. Như vậy, đội ngũ giảng viên đại học đã có sự phát triển cả về số lượng và chất lượng, trình độ của đội ngũ giảng viên được nâng lên, đại đa số giảng viên đại học đều vững về chuyên môn, linh hoạt, đổi mới về phương pháp và có khả năng nghiên cứu khoa học tốt.

(6) *Về hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học.* Hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đã được đẩy mạnh và đạt được những kết quả tích cực. Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, “cả nước có 408 chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài đang hoạt động. Trong 408 chương trình phân

loại theo quốc gia chủ yếu vẫn là các chương trình liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục đại học tại Vương quốc Anh (101 chương trình), Hoa Kỳ (59 chương trình), Cộng hòa Pháp (53 chương trình), Australia (37 chương trình) và Hàn Quốc (27 chương trình). Trong gần 180 trường đại học nước ngoài đang có triển khai các chương trình liên kết với gần 90 trường đại học ở Việt Nam, có tới 63% nằm ngoài danh sách 1.000 đại học tốt nhất thế giới”⁶. Việc phát triển các chương trình đào tạo quốc tế trong các cơ sở giáo dục đại học được xem là một trong những giải pháp thúc đẩy quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học Việt Nam, đưa giáo dục đại học Việt Nam từng bước hội nhập với giáo dục đại học quốc tế.

(7) *Về công bố quốc tế.* Tính riêng trong năm 2022, “9/10 tổ chức có nhiều công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín là các trường đại học. Trong đó, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh có hơn 2.240 công bố, Đại học Bách khoa Hà Nội có 1.482”⁷. Như vậy, các cơ sở giáo dục đại học đóng vai trò chủ đạo trong tổng số công bố quốc tế.

c. Những hạn chế, bất cập

Cùng với những kết quả đạt được, việc thực hiện chính sách phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay cũng tồn tại những hạn chế, bất cập:

Một là, hệ thống giáo dục đại học còn phân mảnh; nguồn lực đầu tư còn thấp so với yêu cầu phát triển; một số cơ sở giáo dục đại học hoạt động kém hiệu quả.

Hai là, chất lượng sinh viên đầu ra chưa đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi của thực tế, thiếu kỹ năng, tỷ lệ thất nghiệp còn cao. Chương trình đào tạo của một số trường tuy đã đổi mới nhưng hiệu quả không rõ rệt, chưa bám sát vào sự thay đổi của xã hội...

Nhìn chung, giáo dục đại học ở Việt Nam vẫn còn khá khiêm tốn so với giáo dục đại

học của các quốc gia trên thế giới và trong khu vực nên chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu của người dân. Do vậy, nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách về phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay là rất cần thiết.

3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam

Thứ nhất, phải thay đổi triết lý giáo dục đại học, xây dựng một triết lý mới về giáo dục đại học. Nhanh chóng bắt kịp xu hướng phát triển của giáo dục đại học quốc tế với các nội dung, như: xây dựng mô hình trường đại học thông minh, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, tăng cường liên kết với doanh nghiệp... Các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam cần chuyển đổi phương thức đào tạo từ trang bị kiến thức sang trang bị, giáo dục kỹ năng, tư duy là chủ yếu. Đồng thời, các cơ sở giáo dục đại học phải xây dựng, cam kết chuẩn đầu ra trong đào tạo, các chuẩn này phải phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động, phù hợp với thời kỳ chuyển đổi số và hội nhập hiện nay.

Thứ hai, đẩy mạnh và tăng cường quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học. Xây dựng và triển khai lộ trình thực hiện tự chủ trong các cơ sở giáo dục đại học, tạo điều kiện để các trường có quyền tự quyết định đến các vấn đề liên quan, như: nhân sự, chương trình, tài chính... Đồng thời, xây dựng các chính sách tiền lương, tiền thưởng phù hợp với vị trí việc làm và năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên, có cơ chế thu hút nhân tài, các chuyên gia đầu ngành không chỉ trong nước mà còn trong kiều bào ở nước ngoài tham gia giảng dạy, nghiên cứu. Thực hiện lộ trình tự chủ một cách khoa học, minh bạch và tăng trách nhiệm giải trình.

Thứ ba, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên. Các cơ sở giáo dục đại học cần chủ động xây dựng quy hoạch, kế hoạch về nhân sự, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ giảng viên, có chính sách thu hút, đãi ngộ đối với những sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc, loại giỏi ở lại trường tiếp tục nghiên cứu, giảng dạy. Các trường đại học cần có quy chế, chính sách thu hút đối với các chuyên gia, nhà khoa học giỏi trong nước và quốc tế tham gia giảng dạy, trao đổi kinh nghiệm. Hằng năm, tạo điều kiện để giảng viên tham gia các khóa, lớp bồi dưỡng, hội thảo chuyên môn; tổ chức các hội thảo, hội nghị, tọa đàm để tăng cường sự giao lưu, học tập kinh nghiệm. Tạo điều kiện để giảng viên có động lực nghiên cứu khoa học; đặc biệt trong thời đại công nghệ 4.0, mỗi giảng viên cần tích cực học tập nâng cao các kỹ năng công nghệ thông tin, trình độ ngoại ngữ.

Thứ tư, tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển giáo dục đại học. Trước hết, cần hoàn thiện khung pháp lý để tạo hành lang pháp lý an toàn thu hút các nhà đầu tư trong nước và quốc tế vào giáo dục đại học. Tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở giáo dục đại học trong khu vực và trên thế giới được mở cơ sở đào tạo tại Việt Nam. Đồng thời, tạo điều kiện đưa đội ngũ giảng viên tham gia học tập kinh nghiệm giảng dạy tại một số trường đại học hàng đầu trên thế giới, tham gia các hội thảo quốc tế; tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các chương trình hợp tác quốc tế. Ngoài ra, cần có cơ chế để khuyến khích đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên tham gia công bố các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học uy tín trên thế giới.

Thứ năm, tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện mô hình quản lý, điều hành giáo dục đại học. Các văn bản chỉ đạo đối với các hoạt động quản lý, điều hành giáo dục đại học

phải rõ ràng, minh bạch, dễ hiểu, dễ áp dụng, cần quy định cụ thể trách nhiệm của các chủ thể quản lý, điều hành, như: tổ chức Đảng, ban giám hiệu, hội đồng trường, khoa chuyên môn... Các trường đại học cần lựa chọn cho mình một mô hình quản trị đặc trưng thể hiện được sứ mệnh, tầm nhìn và thương hiệu trong đào tạo nhân lực.

Thứ sáu, nghiên cứu xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện các chuẩn cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu quá trình hội nhập và quá trình chuyển đổi số. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục đại học, khuyến khích các trường đại học tự tham gia các chương trình kiểm định chất lượng mang tầm quốc tế và khu vực. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, tăng cường mối liên kết nhà trường - doanh nghiệp trong đào tạo, chuyển giao công nghệ các kết quả nghiên cứu.

Thứ bảy, tiếp tục đẩy nhanh quá trình “chuyển đổi số” trong giáo dục đại học. Các cơ sở giáo dục đại học cần đầu tư nâng cấp hạ tầng hiện có và đầu tư, phát triển mới hạ tầng công nghệ thông tin, các công nghệ số để phục vụ cho quá trình chuyển đổi số trong giáo dục đại học. Nhà nước cần hoàn thiện khung pháp lý, các quy định, quy trình chuyển đổi số trong giáo dục đại học. Nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên về tầm quan trọng và những lợi ích của chuyển đổi số. Phát triển các kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên.

4. Kết luận

Giáo dục đại học ở Việt Nam đang trong trạng thái phát triển, giàu sức sống với số lượng sinh viên tương đối ổn định; đội ngũ giảng viên tăng lên về số lượng; xếp hạng cũng có cải thiện. Việc thực hiện chính sách phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam đã ghi nhận những kết quả quan trọng, song

vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Để giáo dục đại học phát huy vai trò là bậc học quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân cần thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong đó ngoài những nội dung về thể chế, chính sách của Đảng, Nhà nước thì mỗi nhà trường cần phải có sự đầu tư mang tính bút phá, đột biến mang nét đặc trưng thể hiện được sứ mệnh, tầm nhìn và thương hiệu trong đào tạo nhân lực □

Chú thích:

1. Báo cáo tại Hội thảo Giáo dục năm 2023: “Thể chế, chính sách nâng cao chất lượng giáo dục đại học”. Hà Nội, ngày 05/11/2023.
2. *Những con số phát triển của giáo dục đại học Việt Nam*. <https://daibieunhandan.vn>, ngày 01/11/2023.
- 3, 4, 5. *Tự chủ đại học: Hơn 30% giảng viên có thu nhập trên 200 triệu/năm và bài toán ngân sách*. <https://daibieunhandan.vn>, ngày 07/01/2023.
6. *Hơn 400 chương trình liên kết nhưng chưa có thông tư về quản lý và đào tạo*. <https://giaoduc.net.vn>, ngày 17/01/2024.
7. *9 đại học chiếm phần lớn công bố quốc tế của Việt Nam*. <https://vnexpress.net>, ngày 03/9/2023.

Tài liệu tham khảo:

1. Phùng Kim Anh (2024). *Nghiên cứu mô hình quản lý nhà nước đối với trường đại học tu thực ở một số nước trên thế giới - giá trị tham khảo cho Việt Nam*. Tạp chí Quản lý nhà nước, số 342, tháng 7/2024.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
3. Chính phủ (2019). *Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học*.
4. Quốc hội (2009). *Luật Giáo dục đại học năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2018)*.